

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Quách Thị Lê

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị D; sinh năm: 1992; HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H; sinh năm: 1989; HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị D, anh H. Chị D, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 18/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu

Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Duy K, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Phạm Duy K1, sinh ngày 16/9/2016. Hiện các cháu đang ở với chị D. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 11.000.000đ, chị đủ khả năng nuôi con nên chị chỉ yêu cầu anh H cấp dưỡng như trên.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Duy K, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Phạm Duy K1, sinh ngày 16/9/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 12/2024, các cháu ở với chị D, anh H hằng tháng vẫn gửi tiền về cho chị D nuôi con. Nếu ly hôn, anh giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Phạm Văn H. Giao cháu Phạm Duy K, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Phạm Duy K1, sinh ngày 16/9/2016 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn H, nơi cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Phạm Thị D và anh Phạm Văn H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị D và anh H đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị D, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung. Chị D và anh H đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại các cháu đang ở với chị D. Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị D và anh H: giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 12/2024, các cháu ở với chị D, anh H hàng tháng vẫn gửi tiền về cho chị D nuôi con. Chị D đồng ý với mức đề nghị và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung theo ý kiến của anh H. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của chị D thấp hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên đây là sự tự nguyện của chị D. Hiện chị D đang làm công

nhân, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 11.000.000đ, chị nhận thấy với mức cấp dưỡng như vậy đủ khả năng nuôi con. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Chị D, anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Duy K, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Phạm Duy K1, sinh ngày 16/9/2016 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0002466 ngày 02/12/2024. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị D, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Thuý Sơn;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh